ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC & CÔNG NGHỆ TIỂU HỌC

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7140250

ĐÀ NẴNG, NĂM 2023

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(*Ban hành theo Quyết định số ...../QĐ-ĐHSP ngày ... tháng ... năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng*)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Chương trình đào tạo Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng. Chương trình được cập nhật, điều chỉnh và cải tiến đáp ứng chương trình chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và yêu cầu dạy học phát triển năng lực người học. Chương trình Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học được xây dựng và quản lý bởi Khoa Giáo dục Tiểu học, gồm có các ngành Giáo dục Tiểu học, Tin học và Sinh - Môi trường. Theo quy định, sau 02 năm Khoa tiến hành rà soát, cập nhật chương trình 01 lần. Năm 2023, Khoa tiến hành cập nhật, rà soát chương trình trên phiên bản chương trình đã được ban hành của năm 2021.

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Primary school teacher education in Informatics and Technology Education
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Mã ngành đào tạo:	7140250
5. Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6. Thời gian đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu:	130
9. Khoa quản lý:	Giáo dục Tiểu học
10. Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
11. Website:	https://pri.ued.udn.vn
12. Thang điểm:	Thang điểm 4

13. Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: (Có thể trích lược Quy định vào đây)
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Bàng Cử nhân
15. Vị trí việc làm:	- Giáo viên dạy Tin học và Công nghệ tại các trường tiểu học, trường quốc tế, tư thục, trường chuyên biệt trong cả nước. - Có thể làm công tác chuyên viên, quản lý ở các trường tiểu học, Phòng GD&ĐT, Sở. - Có thể giảng dạy tại khoa Giáo dục Tiểu học trong các trường Cao đẳng Sư phạm và Đại học Sư phạm trong cả nước. - Có thể mở hoặc làm việc tại các trường tư thục, dân lập, các Trung tâm nghiên cứu giáo dục, các dự án giáo dục.
16. Khả năng nâng cao trình độ:	- Có thể tiếp tục học lên thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Giáo dục học, Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học), Quản lý giáo dục...
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	Giáo dục Tiểu học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội
18. Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo:	Năm 2023

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

I. Triết lý giáo dục

1. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Sư phạm

Giáo dục toàn diện - Khai phóng - Sáng tạo - Thực nghiệp. Trong đó:

- **Giáo dục toàn diện**: Sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức - Trí - Thể - Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế.

- **Khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

- **Sáng tạo:** Sáng tạo là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học. Hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người giáo viên.

- **Thực nghiệp:** Thực nghiệp có vai trò quan trọng trong đào tạo, học phải đi đôi với hành, những kiến thức được tiếp nhận từ nhà trường phải vận dụng linh hoạt vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.

2. Triết lý giáo dục của Khoa Giáo dục Tiểu học

Thực học – Thực nghiệp – Toàn diện - Sáng tạo và Khai phóng

II. Tầm nhìn

1. Tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng trở thành trường trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứ khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo**.**

2. Tầm nhìn của Khoa Giáo dục Tiểu học

Đến năm 2030, Khoa Giáo dục Tiểu học – Trường ĐHSP trở thành khoa đào tạo trọng điểm về Giáo dục Tiểu học, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ khoa học giáo dục đạt chuẩn chất lượng trong khu vực.

III. Sứ mạng

1. Sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2. Sứ mạng của Khoa Giáo dục Tiểu học

Khoa Giáo dục Tiểu học là nơi đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục tiểu học chất lượng cao gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam; kết hợp với nghiên cứu, chuyển giao khoa học giáo dục tiểu học và hợp tác phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học để dạy học, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ ở trường tiểu học, các đơn vị hành chính sự nghiệp giáo dục; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời, có phẩm chất, đạo đức nhà giáo.

2. Mục tiêu cụ thể

- PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học giáo dục đáp ứng hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.

- PO2: Có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tin học và Công nghệ cấp Tiểu học.

- PO3: Có kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

- **PO4:** Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Người học tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng có khả năng:

- **PLO1:** Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục vào hoạt động giáo dục và dạy học môn Tin học và Công nghệ ở cấp Tiểu học.
  - ***PI 1.1.*** *Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên vào hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.*
  - ***PI 1.2.*** *Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo vào hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học.*
- **PLO2:** Tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học Tin học và Công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
  - ***PI 2.1.*** *Lập kế hoạch giáo dục, dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.*
  - ***PI 2.2.*** *Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.*
  - ***PI 2.3.*** *Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.*
  - ***PI 2.4.*** *Phân tích và phát triển chương trình tin học và công nghệ tiểu học.*
- **PLO3:** Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.
  - ***PI 3.1.*** *Khai thác các phần mềm, học liệu số, thiết bị khoa học công nghệ trong thiết kế hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.*
  - ***PI 3.2.*** *Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong giáo dục, dạy học tin học và công nghệ tiểu học.*
- **PLO4:** Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.
  - ***PI 4.1.*** *Giải quyết các tình huống ứng xử sư phạm.*
  - ***PI 4.2.*** *Tư vấn tâm lý và học tập cho học sinh tiểu học.*
  - ***PI 4.3.*** *Quản trị lớp học và quản lý hành vi học sinh tiểu học.*
  - ***PI 4.4.*** *Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học.*
- **PLO5:** Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.
  - ***PI 5.1.*** *Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu.*
  - ***PI 5.2.*** *Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài.*

- ***PI 5.3.*** *Đề xuất các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.*

- **PLO6:** Quản trị quá trình giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.
  - ***PI 6.1.*** *Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp.*
  - ***PI 6.2.*** *Điều hành và giám sát các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã duyệt.*
- **PLO7:** Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.
  - ***PI 7.****1. Xem xét các vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau, đưa ra các lập luận logic và thuyết phục.*
  - ***PI 7.****2. Phát hiện các vấn đề mới, ý tưởng mới, cách làm mới có tính sáng tạo phù hợp với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.*
  - ***PI 7.****3. Giải quyết sáng tạo các vấn đề đa diện, đòi hỏi tính chất phối hợp cao, liên ngành, sự tổ chức thông tin đa dạng trong hoạt động giáo dục, dạy học tin học và công nghệ và cuộc sống.*
- **PLO8:** Thực hiện hiệu quả các hoạt động giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.
  - ***PI 8.1.*** *Thể hiện các hành vi giao tiếp, hợp tác văn minh, lịch sự.*
  - ***PI 8.2.*** *Sử dụng hiệu quả các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.*
  - ***PI 8.3.*** *Điều hành nhóm làm việc một cách hiệu quả.*
- **PLO9:** Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.
  - ***PI 9.1.*** *Thể hiện phẩm chất, đạo đức và tác phong chuẩn mực của nhà giáo.*
  - ***PI 9.2.*** *Tham gia các hoạt động truyền thông, tình nguyện, nhân đạo để phục vụ cộng đồng.*
  - ***PI 9.3.*** *Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp.*

III. Ma trận Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(Đánh dấu x vào ô có liên quan)

Mục tiêu của CTĐT (POs)	**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)**								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PL08	PLO9
PO1	x	x	x	x	x				x
PO2	x	x	x		x				
PO3				x		x	x	x	x
PO4								x	x

Bảng 3. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs PLOs và PIs

PO	PLO	PI
PO1: Có kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học giáo dục đáp ứng hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp và học tập suốt đời.	**PLO1:** Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục vào hoạt động giáo dục và dạy học môn Tin học và Công nghệ ở cấp Tiểu học.	***PI 1.1.*** *Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên vào hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.* ***PI 1.2.*** *Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo vào hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học.*
PO2: Có năng lực tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tin học và Công nghệ cấp Tiểu học.	**PLO2:** Tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học Tin học và Công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	***PI 2.1.*** *Lập kế hoạch giáo dục, dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.* ***PI 2.2.*** *Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.* ***PI 2.3.*** *Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.* ***PI 2.4.*** *Phân tích và phát triển chương trình tin học và công nghệ tiểu học.*
	PLO3: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	***PI 3.1.*** *Khai thác các phần mềm, học liệu số, thiết bị khoa học công nghệ trong thiết kế hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.* ***PI 3.2.*** *Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong giáo dục, dạy học tin học và công nghệ tiểu học.*
	PLO4: Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.	***PI 4.1.*** *Giải quyết các tình huống ứng xử sư phạm.*

PO	PLO	PI
		PI 4.2. *Tư vấn tâm lý và học tập cho học sinh tiểu học.* ***PI 4.3.*** *Quản trị lớp học và quản lý hành vi học sinh tiểu học.* ***PI 4.4.*** *Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học.*
	PLO5: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.	***PI 5.1.*** *Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu.* ***PI 5.2.*** *Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài.* ***PI 5.3.*** *Đề xuất các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.*
	PLO6: Quản trị quá trình giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.	***PI 6.1.*** *Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp.* ***PI 6.2.*** *Điều hành và giám sát các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã duyệt.*
PO3: Có kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo, khả năng truyền cảm hứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.	**PLO3:** Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	***PI 3.1.*** *Khai thác các phần mềm, học liệu số, thiết bị khoa học công nghệ trong thiết kế hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.* ***PI 3.2.*** *Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong giáo dục, dạy học tin học và công nghệ tiểu học.*
	PLO4: Xây dựng môi trường giáo dục tích cực.	***PI 4.1.*** *Giải quyết các tình huống ứng xử sư phạm.* ***PI 4.2.*** *Tư vấn tâm lý và học tập cho học sinh tiểu học.*

PO	PLO	PI
		PI 4.3. *Quản trị lớp học và quản lý hành vi học sinh tiểu học.* ***PI 4.4.*** *Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục và dạy học học sinh tiểu học.*
	PLO5: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.	***PI 5.1.*** *Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu.* ***PI 5.2.*** *Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài.* ***PI 5.3.*** *Đề xuất các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.*
	PLO6: Quản trị quá trình giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.	***PI 6.1.*** *Lập kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục từng khối lớp.* ***PI 6.2.*** *Điều hành và giám sát các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã duyệt.*
	PLO7: Thể hiện tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.	***PI 7.****1. Xem xét các vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau, đưa ra các lập luận logic và thuyết phục.* ***PI 7.****2. Phát hiện các vấn đề mới, ý tưởng mới, cách làm mới có tính sáng tạo phù hợp với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.* ***PI 7.****3. Giải quyết sáng tạo các vấn đề đa diện, đòi hỏi tính chất phối hợp cao, liên ngành, sự tổ chức thông tin đa dạng trong hoạt động giáo dục, dạy học tin học và công nghệ và cuộc sống.*
	PLO8: Thực hiện hiệu quả các hoạt động giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội.	***PI 8.1.*** *Thể hiện các hành vi giao tiếp, hợp tác văn minh, lịch sự.* ***PI 8.2.*** *Sử dụng hiệu quả các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn*

PO	PLO	PI
		ngữ trong giao tiếp, hợp tác với đồng nghiệp và xã hội. ***PI 8.3.*** *Điều hành nhóm làm việc một cách hiệu quả.*
PO4: Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.	**PLO1:** Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học giáo dục vào hoạt động giáo dục và dạy học môn Tin học và Công nghệ ở cấp Tiểu học.	***PI 1.1.*** *Vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên vào hoạt động giáo dục học sinh tiểu học.* ***PI 1.2.*** *Vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo vào hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học.*
	PLO2: Tổ chức hoạt động giáo dục, dạy học Tin học và Công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	***PI 2.1.*** *Lập kế hoạch giáo dục, dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.* ***PI 2.2.*** *Thực hiện hoạt động giáo dục và dạy học tin học và công nghệ theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.* ***PI 2.3.*** *Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.* ***PI 2.4.*** *Phân tích và phát triển chương trình tin học và công nghệ tiểu học.*
	PLO3: Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	***PI 3.1.*** *Khai thác các phần mềm, học liệu số, thiết bị khoa học công nghệ trong thiết kế hoạt động giáo dục và dạy học Tin học và Công nghệ phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học.* ***PI 3.2.*** *Sử dụng ngoại ngữ hiệu quả đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành*

PO	PLO	PI
		cho Việt Nam trong giáo dục, dạy học tin học và công nghệ tiểu học.
	PLO5: Thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.	***PI 5.1.*** *Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu.* ***PI 5.2.*** *Lập được đề cương nghiên cứu của đề tài.* ***PI 5.3.*** *Đề xuất các giải pháp sư phạm trong cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học tin học và công nghệ tiểu học.*
	PLO9: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với phẩm chất, đạo đức nhà giáo; tham gia phục vụ cộng đồng và hình thành ý tưởng khởi nghiệp.	***PI 9.1.*** *Thể hiện phẩm chất, đạo đức và tác phong chuẩn mực của nhà giáo.* ***PI 9.2.*** *Tham gia các hoạt động truyền thông, tình nguyện, nhân đạo để phục vụ cộng đồng.* ***PI 9.3.*** *Đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp.*

IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam bậc đại học

Bảng 4. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc;	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Bảng 5. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

(Đánh dấu x vào ô có liên quan)

CĐR theo Khung trình độ QG / Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1	x	x	x												
PLO 2	x	x	x	x		x						x		x	
PLO 3			x								x				
PLO 4	x	x		x											
PLO 5	x	x	x			x		x	x	x		x		x	
PLO 6				x	x	x		x					x		x
PLO 7	x			x				x						x	x
PLO 8							x		x			x			
PLO 9		x					x								

V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

1. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học có thể làm các công việc:

- Giáo viên dạy Tin học và Công nghệ tại các trường tiểu học, trường quốc tế, trường chuyên biệt trong cả nước.

- Có thể làm công tác chuyên viên, quản lý ở các trường tiểu học, Phòng GD&ĐT, Sở.

- Có thể giảng dạy tại khoa Giáo dục Tiểu học trong các trường Cao đẳng Sư phạm và Đại học Sư phạm trong cả nước.

- Có thể mở hoặc làm việc tại các trường tư thục, dân lập, các Trung tâm nghiên cứu giáo dục, các dự án giáo dục.

2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có thể tiếp tục học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Giáo dục học, Giáo dục Tiểu học, Quản lý giáo dục.

VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

- Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Đủ điều kiện điểm xét học bạ hoặc điểm xét đại học;
- Tổ hợp xét tuyển: + Khối A: Toán – Vật lí – Hoá học,
  + Khối B: Toán – Hoá học – Sinh học,
  + Khối C: Ngữ Văn – Lịch Sử - Địa lý,
  + Khối D1: Toán – Ngữ Văn – Tiếng Anh

2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

VII. Chiến lược giảng dạy và học tập

Để đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận công việc theo vị trí việc làm mà khoa đã đề xuất, Trường Đại học Sư phạm, Khoa Giáo dục Tiểu học đã xây dựng chiến lược, đổi mới phương pháp giảng dạy, tận dụng tối đa mọi nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học. Các chiến lược, phương pháp dạy học được thể hiện thông qua mục tiêu, chương trình đảm bảo sinh viên có kiến thức chuyên môn vững chắc, hiểu biết xã hội rộng, thành thạo về nghiệp vụ. Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ áp dụng gồm phương pháp thuyết trình, dạy học tương tác, dạy học hợp tác, dạy học tình huống.

2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Sinh viên được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra, phương pháp giải quyết vấn đề, seminar…

3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Chiến lược học tập trải nghiệm thường được sử dụng đồng nghĩa với giáo dục trải nghiệm, nhưng thực tế giáo dục trải nghiệm là một triết lí giáo dục rộng hơn, học tập trải nghiệm xem xét quá trình học tập của cá nhân. Học tập trải nghiệm quan tâm đến các vấn đề cụ thể liên quan đến người học và bối cảnh học tập. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: Trải nghiệm trong dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, thực hành

4. Dạy học tương tác

Tương tác chủ yếu dựa vào thảo luận và chia sẻ giữa những người tham gia. Thảo luận và chia sẻ cung cấp cho người học cơ hội để "*phản ứng với những ý tưởng, kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc và kiến thức của GV hoặc của người học đồng lứa và tạo ra những cách suy nghĩ và cảm nhận thay thế*". SV có thể học hỏi từ các bạn cùng lớp và giảng viên để phát triển các kĩ năng và khả năng xã hội, sắp xếp suy nghĩ của mình và phát triển các lập luận hợp lí.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: thảo luận, dạy học hợp tác, giải quyết vấn đề, seminar, vấn đáp, động não, khăn trải bàn, …

5. Học tập độc lập

Học tập độc lập đề cập đến một loạt các phương pháp giảng dạy được cung cấp có mục đích để thúc đẩy sự phát triển của cá nhân SV chủ động, tự lực và tự hoàn thiện. Mặc dù việc học độc lập có thể do SV hoặc giảng viên bắt đầu, trọng tâm ở đây sẽ là nghiên cứu độc lập có kế hoạch của SV dưới sự hướng dẫn hoặc giám sát của giảng viên đứng lớp. Ngoài ra, học tập độc lập có thể bao gồm học tập trong sự hợp tác với một cá nhân khác hoặc như một phần của một nhóm nhỏ. Các phương pháp, kĩ thuật giảng dạy theo chiến lược này gồm: tự học, DH dự án, nghiên cứu khoa học, sơ đồ tư duy, …Đọc tài liệu, nghiên cứu bài giảng và tài liệu trước khi lên lớp, thực hiện dự án học tập, nghiên cứu khoa học.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)								
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
1	**Dạy học trực tiếp**									
1.1	*Thuyết trình*	X	X		X	X				
1.2	*Giải quyết vấn đề*		X				X	X		X
2	**Dạy học gián tiếp**									
1.2	*Dạy học tình huống*	X	X		X					X
2.2	*Dạy học dự án*			X			X	X	X	
3	**Học tập trải nghiệm**									
3.1	*Tham quan, trải nghiệm thực tế*		X				X		X	
3.2	*Thực hành*	X	X	X	X	X				
4	**Dạy học tương tác**									
4.1	*Thảo luận nhóm*	X			X		X		X	
4.2	*Seminar*		X	X			X	X		
5	**Học tập độc lập**									
5.1	*Tự học*			X		X	X		X	
5.2	*Nghiên cứu khoa học*		X	X			X	X		

D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 8.

Bảng 8. Các khối kiến thức và số tín chỉ

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
A	**Khối kiến thức Giáo dục đại cương**	15	15	0	0
B	**Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp**	140	100	15	25
I	Khối kiến thức Cơ sở ngành	23	23	0	0
II	Khối kiến thức Chuyên ngành	47	47	29	18

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
III	Khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm (đối với Khối ngành Sư phạm)	52	52	42	10
IV	Khối kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	18	6	6	6
Tổng		155	115	15	25

Ghi chú: *Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và Ngoại ngữ.*

II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

2.1.Khung chương trình đào tạo

Bảng 9. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**15**	**10.5**	**3.5**	**0**		
1	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		GDCT
2	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	GDCT
3	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	GDCT
4	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0,5	0	21221903	GDCT
5	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	GDCT
6	31221033	Tin học cơ sở	2	1	1	0		Tin học
7	31621549	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5	0		GDCT
8	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		
9	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		
10	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		
11	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		
12	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)	(0)	(0)	(4)		

KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			**140**	**70**	**58**	**12**		
Kiến thức Cơ sở ngành			**23**	**17**	**6**	**0**		
13	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	2	2	0	0		Sinh-MT
14	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
15	31231066	Toán rời rạc	3	2	1	0	32221003	GDTH
16	32221038	Cơ sở Công nghệ ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
17	32221003	Xác suất và thống kê ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
18	32221004	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 1 ở tiểu học	2	2	0	0		GDTH
19	32221005	Cơ sở Khoa học tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học	2	2	0	0	32221004	GDTH
20	31231070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	0	31221033	Tin học
21	31231069	Lập trình Python	3	2	1	0	31221033	Tin học
22	32221683	Sinh lí học trẻ em	2	2	0	0		GDTH
Kiến thức Chuyên ngành			**47**	**27**	**20**	**0**		
23	32221006	Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	2	1	1	0		GDTH
24	32231011	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	3	2	1	0	32221003	GDTH
25	31231006	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	0		Tin học
26	31231007	Lập trình Scratch	3	2	1	0	31221033	Tin học
27	31231008	Mạng máy tính và internet	3	2	1	0		Tin học
28	31231009	Lập trình game học tập	3	1	2	0	31231069	Tin học
29	31221001	Công nghệ đa phương tiện	2	1	1	0		Tin học
30	31221067	Thiết kế web	2	1	1	0	31231008	Tin học
31	32232185	Công nghệ và đời sống	3	2	1	0		GDTH
32	32222186	Kỹ thuật trồng trọt	2	1	1	0		GDTH
33	32231039	Thiết kế công nghệ	3	2	1	0		GDTH
		Học phần tự chọn	**18**	**10**	**8**	**0**		

34	32222198	*Kỹ thuật tạo hình ở tiểu học*	2	1	1	0	32231039	GDTH
35	32231041	*Ứng dụng công nghệ trong trồng hoa và cây cảnh*	3	2	1	0	32222186	GDTH
36	31222206	*Tổ chức thu thập, lưu trữ và trao đổi thông tin*	2	1	1	0		Tin học
37	31231012	*Lập trình robot*	3	2	1	0		Tin học
38	31221003	*Mã nguồn mở trong giáo dục*	2	1	1	0		Tin học
39	31721091	*Cơ sở văn hóa Việt Nam*	2	1	1	0		Ngữ văn
40	32021254	*Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học*	2	1	1	0		TL-GD
41	31221068	*Công nghệ phần mềm*	2	1	1	0	31221033	Tin học
Kiến thức Nghiệp vụ sư phạm			**52**	**26**	**26**	**0**		
42	32021002	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	2	0	0		TL-GD
43	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1	0		TL-GD
44	32031003	Giáo dục học tiểu học	3	2	1	0	32041729	TL-GD
45	32021004	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	2	1	1	0	32031003	TL-GD
46	32021274	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1	0		TL-GD
47	31231011	Thiết kế bài giảng Elearning và website dạy học trực tuyến	3	1	2	0		Tin học
48	32221001	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	2	1	1	0		GDTH
49	32221040	Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học	2	1	1	0		GDTH
50	32242189	Giáo dục STEM trong trường tiểu học	4	2	2	0		GDTH
51	32242190	Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	4	2	2	0	32232185; 32222186; 32231039	GDTH
52	31242191	Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học	4	2	2	0	31231070	Tin học
53	32221007	Phương pháp dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	2	1	1	0	32221004; 32221005	GDTH
54	32222195	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	0	32242190;	GDTH

							3124219 1	
55	3223103 4	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học	3	0	3	0		GDTH
56	3223103 5	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học	3	0	3	0		GDTH
		Học phần Tự chọn	**10**	**6**	**4**	**0**		
57	3312125 2	*Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính*	2	2	0	0		TL-GD
58	3222126 0	*Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học*	2	1	1	0		GDTH
59	3222217 2	*Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học*	2	1	1	0	3224219 0; 3124219 1	GDTH
60	3222104 2	*Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học*	2	1	1	0	3224219 0; 3124219 1	GDTH
61	3222402 8	*Dạy học tích hợp ở tiểu học*	2	1	1	0		GDTH
Kiến thức Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp			**18**	**0**	**6**	**12**		
62	3222104 6	Kiến tập sư phạm	2	0	0	2		GDTH
63	3222104 7	Thực tập sư phạm	4	0	0	4	3032136 1	GDTH
		Học phần tự chọn bắt buộc (phải chọn 6/12 tín chỉ)	**12**	**0**	**6**	**6**		
64	3222104 8	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	0	6		GDTH
65	3223101 3	*Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học*	3	0	3	0		GDTH
66	3223101 4	*Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học*	3	0	3	0		GDTH
TỔNG SỐ TÍN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**155**	**81**	**63**	**12**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**115**					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**15**					

2.2.Kế hoạch đào tạo

Bảng 10: Kế hoạch đào tạo

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC	LT	TH			
					L1	L2		

1	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	4	3	1	0		TL-GD
	32031003	Giáo dục học tiểu học	3	2	1	0	32041729	TL-GD
	32221683	Sinh lí học trẻ em	2	2	0	0		SINH-MT
	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	2	2	0	0		SINH-MT
	32221006	Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	31221033	Tin học cơ sở	2	1	1	0		TIN
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	0	(1)		GDTC
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	**15**	**11**	**4**	**0**		
2	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	2	1	0		GDCT
	32221004	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 1 ở tiểu học	2	2	0	0		GDTH
	32021004	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	2	1	1	0	32031003	TL-GD
	32221038	Cơ sở Công nghệ ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32221003	Xác suất và thống kê ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32221876	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32021274	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	1	1	0		TLGD
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4t)	(0)	(0)	(4t)		GDQP
		Học phần Tự chọn	4	2	2	0		
	32221260	*Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học*	2	1	1	0		GDTH
	31721091	*Cơ sở văn hóa Việt Nam*	2	1	1	0		NGỮ VĂN
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	**19**	**11**	**8**	**0**		
3	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	1.5	0.5	0	21231902	GDCT
	31621549	Pháp luật đại cương	2	1.5	0.5	0		GDCT
	31231066	Toán rời rạc	3	2	1	0	32221003	GDTH
	32221005	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học	2	2	0	0	32221004	GDTH
	32231011	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	3	2	1	0	32221003	GDTH
	31231070	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	0	31221033	TIN
	32232185	Công nghệ và đời sống	3	2	1	0		GDTH
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
		Học phần tự chọn:	4	3	1	0		
	31221068	*Công nghệ phần mềm*	2	1	1	0	31221033	TIN

	33121252	*Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính*	2	2	0	0		TL-GD
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		**22**	**16**	**6**	**0**		
4	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1.5	0.5	0	21321901	GDCT
	32222186	Kỹ thuật trồng trọt	2	1	1	0		GDTH
	31231069	Lập trình Python	3	2	1	0	31221033	TIN
	32242189	Giáo dục STEM trong trường tiểu học	4	2	2	0		GDTH
	32231039	Thiết kế công nghệ	3	2	1	0		TIN
	31231006	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	2	1	0		GDTH
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)		GDTC
		Học phần tự chọn:	4	2	2	0		
	31222206	*Tổ chức thu thập, lưu trữ và trao đổi thông tin*	2	1	1	0		TIN
	32222198	*Kỹ thuật tạo hình ở tiểu học*	2	1	1	0	32231039	GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		**21**	**12.5**	**8.5**	**0**		
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.5	0.5	0	21221903	GDCT
	31231008	Mạng máy tính và internet	3	2	1	0		TIN
	31231009	Lập trình game học tập	3	2	1	0	31231069	TIN
	31242191	Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học	4	2	2	0	31231070	TIN
	32242190	Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	4	2	2	0	32232185; 32222186; 32231039	GDTH
		Học phần tự chọn:	5	3	2	0		
	32231041	*Ứng dụng công nghệ trong trồng hoa và cây cảnh*	3	2	1	0	32222186	GDTH
	31221003	*Mã nguồn mở trong giáo dục*	2	1	1	0		TIN
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		**21**	**12.5**	**8.5**	**0**		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	0	21221904	GDTC
	32231034	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học	3	0	3	0		GDTH
	32231035	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học	3	0	3	0		TIN
	31221001	Công nghệ đa phương tiện	2	1	1	0		TL-GD
	31231007	Lập trình Scratch	3	2	1	0	31221033	TIN
	31221067	Thiết kế web	2	1	1	0	31231008	TIN
		Học phần tự chọn:	7	3	4	0		
	31231012	*Lập trình robot*	3	2	1	0		TIN
	32021254	*Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học*	2	1	1	0		TL-GD
	32221042	*Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm*	2	1	1	0	32242190; 31242191	GDTH

		chất năng lực học sinh tiểu học						
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		**22**	**9.5**	**12.5**	**0**		
7	31231011	Thiết kế bài giảng Elearning và website dạy học trực tuyến	3	1	2	0		TIN
	32221001	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32222195	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	2	1	1	0	32242190; 31242191	GDTH
	32221040	Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học	2	1	1	0		GDTH
	32021002	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	2	0	0		TL-GD
	32222194	Phương pháp dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	2	1	1	0	32221004; 32221005	GDTH
	32221046	Kiến tập sư phạm	2	0	2	0		
		Học phần tự chọn						
	32222172	*Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học*	2	1	1	0	32242190; 31242191	GDTH
	32224028	*Dạy học tích hợp ở tiểu học*	2	1	1	0		GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		**19**	**9**	**10**	**0**		
8	30341843	Thực tập sư phạm	4	0	4	0	32221046	GDTH
		Học phần tự chọn						
	30361338	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	6	0		GDTH
	32231013	*Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học*	3	0	3	0		GDTH
	32231014	*Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Công nghệ ở tiểu học*	3	0	3	0		GDTH
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		**16**	**0**	**16**	**0**		

III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)

Cây chương trình đào tạo Ngành SP Tin học và Công nghệ.

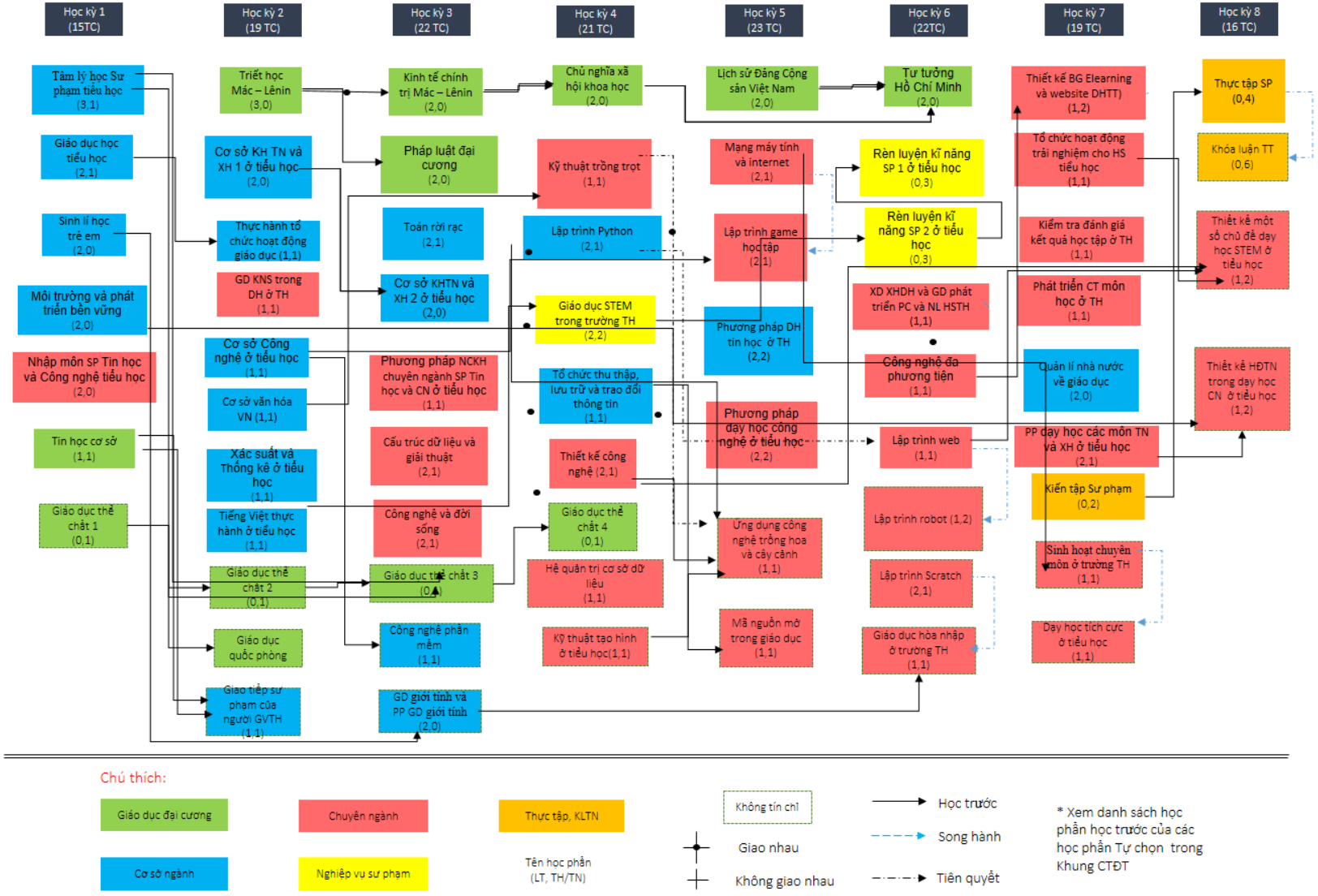

IV. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PHÂN BỔ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA

Bảng 11. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với các học phần

(Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng)

STT	Học kỳ	Tên học phần (Liệt kê tất cả các học phần theo thứ tự từ năm 1 đến năm cuối)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																										Đóng góp của học phần					Đối sánh với
			PLO1		PLO2				PLO3		PLO4				PLO5			PLO6		PLO7			PLO8			PLO9			I	R	M	Tổng PI	A	Tổng PI
			PI 1.1	PI 1.2	PI 2.1	PI 2.2	PI 2.3	PI 2.4	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 4.3	PI 4.4	PI 5.1	PI 5.2	PI 5.3	PI 6.1	PI 6.2	PI 7.1	PI 7.2	PI 7.3	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 9.3						
1	1	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	I	R								M, A												R	M, A			1	2	2	5	2	5
2		Giáo dục học tiểu học	R, A								R, A		R												I			1	3	0	4	2	4
3		Sinh lí học trẻ em	R, A																					I				1	1	0	2	1	2
4		Môi trường và phát triển bền vững	M, A																		R			R				0	2	1	3	1	3
5		Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	I																R						M, A			1	1	1	3	1	3
6		Tin học cơ sở	I						M, A															M				1	0	2	3	1	3
7		Giáo dục thể chất 1																										0	0	0	0	0	0
8	2	Triết học Mác - Lênin	I																	M, A					R			1	1	1	3	1	3
9		Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 1 ở tiểu học	M, A																					I				1	0	1	2	1	2
10		Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục									R, A	R	M, A	R										R	R			0	5	1	6	2	4
11		Lập trình Scratch		R					M, A												R						M, A	0	2	2	4	2	4
12		Cơ sở Công nghệ ở tiểu học	M, A			I																		I				2	0	1	3	1	2
13		Xác suất và thống kê ở tiểu học	R													M,A					I							1	1	1	3	1	3
14		Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	I																				M,A					1	0	1	2	1	3
15		Giáo dục thể chất 2																										0	0	0	0	0	0
16		Giáo dục quốc phòng																										0	0	0	0	0	0

17	3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	R, A																		I									1	1	0	2	1	2
18		Pháp luật đại cương	R, A																		M									0	1	1	2	1	2
19		Toán rời rạc trong dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	I	R, A		R									R															1	3	0	4	1	3
20		Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học	M, A			I																								1	0	1	2	1	2
21		Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	I												M,A	M,A	M,A			R,A								R,A		1	2	3	6	5	7
22		Hệ quản trị cơ sở dữ liệu		R, A					I								R													1	2	0	3	1	3
23		Công nghệ và đời sống	M, A			I																								1	0	1	2	1	2
24		Giáo dục thể chất 3																												0	0	0	0	0	0
25	4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	R, A																	M,A										0	1	1	2	2	2
26		Kỹ thuật trồng trọt	M, A			I																								1	0	1	2	1	2
27		Lập trình Python		R, A																		R		R						0	3	0	3	1	3
28		Giáo dục STEM trong trường tiểu học		R	M		M, A											I				R,A								1	2	2	5	2	5
29		Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	I		M				R, A																					1	1	1	3	1	3
30		Thiết kế công nghệ	M, A			I																				I				2	0	1	3	1	3
31		Giáo dục thể chất 4																												0	0	0	0	0	0
32	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	R, A																		I									1	1	0	2	1	2
33		Mạng máy tính và internet		R																		M,A								0	1	1	2	1	5
34		Lập trình game học tập		M, A					R							R,A						R,A								0	3	1	4	3	5
35		Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học		M		M, A												R,A												0	1	2	3	2	10
36		Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học		I	M, A	M									R,A															1	1	2	4	2	4

37	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M,A																							M,A			0	0	2	2	2	2
38		Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học						R,A														R,A							0	2	0	2	2	2
39		Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học			I	R												M,A											1	1	1	3	1	3
40		Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	I								R												M,A	M,A	R	R,A			1	3	2	6	3	5
41		Công nghệ đa phương tiện		R					R								R											M,A	0	3	1	4	1	4
42		Lập trình web		R,A					R													R							0	3	0	3	1	4
43	7	Thiết kế bài giảng Elearning và website dạy học trực tuyến		R	M,A	M,A			R													R							0	3	2	5	2	6
44		Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học		I		M,A																							1	0	1	2	1	2
45		Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học		I			M,A																						1	0	1	2	1	2
46		Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học						M,A							R,A														0	1	1	2	2	2
47		Quản lý nhà nước về giáo dục	R,A																R,A						R			R	0	4	0	4	2	3
48		Phương pháp dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học		R	M	M,A																							0	1	2	3	1	3
49		Kiến tập sư phạm			R,A						R	M,A		M,A							M				R,A		R,A		0	4	3	7	5	8
50	8	Thực tập sư phạm			R,A	R,A							R,A	M,A					M,A				M,A		M,A		R,A		0	4	4	8	8	8
Tổng hợp số lượng học phần theo các mức độ đóng góp																																		
		Mức I	9	3	1	5	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	1	0	0	0	4	1	0	0						
		Mức R	8	11	2	3	0	1	5	0	4	1	2	1	2	1	3	1	2	0	2	7	0	1	6	3	2	2						
		Mức M	8	2	5	5	2	1	2	0	0	2	1	2	1	1	2	1	1	3	1	1	2	2	2	3	0	2						
		HP đóng góp	25	16	8	13	2	2	8	0	4	3	3	3	3	2	5	3	3	5	4	8	2	3	12	7	2	4						
		HP đánh giá PI	15	5	4	5	2	2	3	0	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2	2	2	4	2	3						
		HP đánh giá PLO	20		13				3		8				7			4		41			6			9								

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastery).

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…;
- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI - Performance Indicator) của chuẩn đầu ra của CTĐT hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo cả chuẩn đầu ra của CTĐT đó.
- A (Assessed): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastery).

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…;
- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI - Performance Indicator) của chuẩn đầu ra của CTĐT hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo cả chuẩn đầu ra của CTĐT đó.
- A (Assessed): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI

E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

I. Quy trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư pham. Thời gian đào tạo trong 4 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu) và học kỳ hè (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng Tám). Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 3, các kiến thức chuyên ngành được học trong 5 học kỳ tiếp theo từ học kì 4 đến học kì 8.

Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 130TC (115 TCBB + 15 TCTC) với điểm trung bình tốt nghiệp là 2.0 (thang 4) hoặc 5.0 (thang 10) trở lên.

II. Cách thức và công cụ đánh giá

1.Đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo *Quy định về Công tác học vụ* do Trường ban hành và *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cuối mỗi học kì, trường sử dụng 4 tiêu chí để đánh giá kết quả học tập của sinh viên: Khối lượng học tập đăng kí, điểm trung bình chung học kì, khối lượng kiến thức tích lũy, điểm trung bình tích lũy.

Việc đánh giá khóa luận được thực hiện theo quy trình của nhà trường

- Khóa luận phải được người hướng dẫn nhận xét và đồng ý cho bảo vệ trước khi trình lên Hội đồng chấm khóa luận.

- Trước khi bảo vệ, mỗi khóa luận có hai bản nhận xét và cho điểm của người hướng dẫn và người phản biện.

- Điểm đánh giá khóa luận là trung bình cộng các điểm của các thành viên Hội đồng chấm khóa luận (HĐ), của người phản biện (GVPB) và người hướng dẫn (GVHD) theo trọng số:

Điểm Tổng hợp = Điểm trung bình chung của GVHD x 2 + Điểm của GVPB x 2 + Điểm của các thành viên HĐ.

- Điểm của HĐ là điểm trung bình của tất cả thành viên Hội đồng có mặt trong buổi bảo vệ.

- Điểm của GVHD, GVPB và điểm trung bình của HĐ tính theo thang 10 và cho lẻ đến 0.25.

- Điểm tổng hợp của khóa luận được tính theo thang 10 và cho lẻ đến 1 số lẻ thập phân.

Các quy định, hướng dẫn thực tập và tất cả các biểu mẫu liên quan đến thực tập tuân theo Quyết định /QĐ-ĐT ngày tháng năm 20 của Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định Thực tập sư phạm - hệ chính quy.

2.Đánh giá học phần

Thực hiện theo *Quy định về Công tác học vụ* do Trường ban hành và *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài ra, việc đánh giá học phần tuân thủ theo quy định trong các đề cương học phần đã được Bộ môn và HĐ Khoa học của Khoa thông qua. Tùy theo đặc điểm mỗi học phần, điểm tổng hợp được đánh giá căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá về thái độ có trọng số 20%; đánh giá giá kiểm tra giữa kì có trọng số 30%; điểm kết thúc học kì có trọng số 50%.

Việc lựa chọn hình thức đánh giá được hiệu trưởng phê duyệt. Ở buổi học đầu tiên, giảng viên công bố đề cương và hình thức kiểm tra đánh giá của học phần.

3.Phương pháp đánh giá học phần

Thực hiện theo *Quy định về Công tác học vụ* do Trường ban hành và *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài ra, việc đánh giá học phần tuân thủ theo quy định trong các đề cương học phần đã được Bộ môn và HĐ Khoa học của Khoa thông qua.

Đánh giá học phần bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì theo quy định về trọng số chung của Trường ĐHSP và quy định trong các học phần. Tùy theo đặc điểm mỗi học phần, giảng viên có thể sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau như: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập, kiểm tra viết, tự luận, trắc nghiệm khách quan, thuyết trình, vấn đáp, bài tập nhóm, tiểu luận, kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm, khóa luận tốt nghiệp.

4.Cách tính điểm học phần

Sinh viên theo học CTĐT Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học được đánh giá theo hệ thống tính điểm áp dụng thống nhất cho cả Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.
- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.
- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kì và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kì và cho điểm tổng kết kết quả học tập của sinh viên.

Bảng 12. Hệ thống thang điểm của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8.5 đến 10	4	A
	Từ 7.0 đến 8.4	3	B
	Từ 5.5. đến 6.9	2	C
	Từ 4.0 đến 5.4	1	D
Không đạt	<4.0	0	F

F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình; cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. Chương 2, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 6 chương, được kết cấu thành 2 phần chính: Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin và là môn học bắt buộc

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo. Học phần được kết cấu thành hai phần chính: - Một là, nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Hai là, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Ngoài chương nhập môn và kết luận, học phần có 3 chương đề cập đến những tri thức khoa học về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Một số bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, khẳng định những thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc, khối kiến thức đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, Về văn hóa, đạo đức, con người.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
6	Tin học cơ sở	Học phần Tin học cơ sở được học ở năm thứ nhất đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Học phần này củng cố và cung cấp các kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính, các công nghệ hiện đại và Internet phức tạp hơn so với các kiến thức, kỹ năng đã được học ở chương trình phổ thông. Hơn nữa, học phần đi sâu vào một số tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là Word, Excel và Powerpoint.
7	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc bản chất, chức năng, vai trò, hình thức, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính.
8	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	Tâm lý học sư phạm tiểu học là khoa học cơ sở trong hệ thống các khoa học sư phạm. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản vê tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm như: Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, quy luật của sự phát triển tâm lý trẻ em; Khái quát về lứa tuổi học sinh tiểu học, điều kiện phát triển tâm lý, đặc điểm hoạt động học tập, giao tiếp và sự phát triển nhân cách lứa tuổi tiểu học; Khái quát về tâm lý học dạy học và tâm lý học giáo dục: quá trình dạy học và các yếu tố cơ bản của nó, tâm lý học về sự lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, dạy học và sự phát triển trí tuệ; Những cơ sở tâm lý học của việc giáo dục đạo đức; Những đặc trưng của lao động sư phạm và những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo..
9	Giáo dục học tiểu học	Học phần này đề cập lý luận cơ bản về giáo dục họ học bao gồm:

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		- Những vấn đề chung nhất về giáo dục học tiểu họ Giáo dục học là một khoa học; giáo dục và sự phát triển đích giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân; nguyên lý giá các con đường giáo dục; đặc điểm lao động sư phạm củ viên tiểu học trong nhà trường - Một số vấn đề cơ bản của lý luận dạy học tiểu học quát về quá trình dạy học tiểu học như khái niệm, bản động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc dạy họ dung dạy học; phương pháp dạy học; hình thức tổ chức dạ đánh giá kết quả dạy học - Một số vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục tiểu họ Khái quát về quá trình giáo dục tiểu học như khái niệm chất, đặc điểm, động lực, logic của quá trình giáo dục; n tắc giáo dục; nội dung giáo dục; phương pháp giáo dục; tổ các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.
10	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục	Học phần này hình thành cho sinh viên các năng giáo dục của người giáo viên nói chung và của người giáo v chủ nhiệm lớp nói riêng; tạo cơ hội cho sinh viên vận d kiến thức Tâm lý học, Giáo dục học để xây dựng môi trư giáo dục tích cực cho học sinh như: Hình thành kỹ năng người giáo viên chủ nhiệm lớp; kỹ năng tổ chức các hoạt đ giáo dục cho học sinh trong nhà trường; kỹ năng quản lý h vi học sinh; kỹ năng hỗ trợ, tư vấn tâm lý học sinh; kỹ n tổ chức hoạt động kết hợp các lực lượng giáo dục trong ngoài nhà trường trong giáo dục học sinh tiểu học.
11	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	Học phần Giao tiếp Sư phạm của người giáo viên Tiểu học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học. Nội dung của học phần được bao gồm 4 chương: (1) Khái quát về giao tiếp sư phạm ở bậc tiểu học; (2) Một số nguyên tắc giao tiếp, quy tắc ứng xử và các phong cách giao tiếp sư phạm của người giáo viên Tiểu học; (3) Các kỹ năng giao tiếp sư phạm của

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		người giáo viên Tiểu học; (4) Xử lý các tình huống sư phạm.
12	Quản lý nhà nước về giáo dục	Học phần *Quản lý nhà nước về giáo dục* thuộc khối kiến thức chung, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản quản lý nhà nước về giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; chủ trương, đường lối chính sách về phát triển và đổi mới giáo dục; Giúp người học ý thức rõ trách nhiệm của bản thân để chủ động tham gia xây dựng nền hành chính nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương, nhà trường công tác sau tốt nghiệp.
13	Môi trường và phát triển bền vững	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, tài nguyên thiên nhiên, về nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên thiên nhiên liên quan đến phát triển bền vững, đồng thời cung cấp cho người học những biện pháp cơ bản để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Người học có thể vận dụng kiến thức môn học vào hoạt động bảo vệ môi trường.
14	Tiếng Việt thực hành ở tiểu học	*Tiếng Việt thực hành ở tiểu học* là môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kĩ năng thực hành văn bản tiếng Việt. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kĩ năng về thực hành tiếng Việt theo các nhóm vấn đề chính: Chính tả; Dùng từ; Đặt câu; Viết đoạn văn; Xây dựng văn bản. Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được thiết kế dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học.
15	Toán rời rạc	*Toán rời rạc* cung cấp kiến thức toán học cơ sở cho ngành học bao gồm cơ sở của lô gíc toán học, lý thuyết tập hợp, lý thuyết số, lý thuyết đếm, đại số Boole và biểu diễn hàm boole. đồng thời, giới thiệu một trong những vấn đề cơ bản nhất của thuật toán, đó là độ phức tạp về thời

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		gian của thuật toán; các nguyên lý cơ bản nhất của bài toán đếm, nguyên lý Dirichtlet; xây dựng được các thuật toán liệt kê; vận dụng đại số Boole và hàm Boole và biết cách biểu diễn hàm Boole theo các dạng chuẩn tắc khác nhau; xây dựng được các thuật toán trên đồ thị. Học phần sẽ góp phần học các học tiếp theo như: cấu trúc dữ liệu và giải thuật, hệ quản trị cơ sở dữ liệu
16	Cơ sở Công nghệ ở tiểu học	Học phần này giúp học viên những tri thức mới về công nghệ điện, điện tử những thiết bị hỗ trợ dạy học ở trường tiểu học, những thiết bị điện trong đời sống hằng ngày. Môn học trang bị một cách hệ thống các kiến thức quan trọng về Điện, Điện Tử, từ những linh kiện điện tử cơ bản như: Điện Trở, Tụ điện, Cuộn cảm, Diode, Transistor lưỡng cực (BJT) đến các kiến thức để sinh viên có thể phân tích, tính toán, thiết kế mạch điện tử.
17	Xác suất và thống kê ở tiểu học	Học phần trang bị cho sinh viên các tri thức về xác suất và thống kê, đặc biệt các tri thức về thống kê. Từ đó vận dụng vào dạy học ở tiểu học và nghiên cứu, dự đoán trong khoa học giáo dục nói chung và giáo dục học sinh tiểu học nói riêng. Đồng thời là cơ sở lí luận, là công cụ hữu hiệu để xử lí số liệu thống kê trong các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở các trường tiểu học.
18	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 1 ở tiểu học	*Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội 1 ở tiểu học* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên có liên quan trong chương trình các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học. Các kiến thức cơ sở này thuộc một số lĩnh vực khoa học như vật lí, hóa học, sinh học và một số lĩnh vực liên ngành như: môi trường, dân số, sức khỏe,...

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
19	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học	Học phần *Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội 2 ở tiểu học* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học có những kiến thức cơ bản về xã hội (chủ đề Xã hội, Địa lí và Lịch sử) có liên quan đến nội dung, chương trình các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học và phương pháp dạy học môn Địa lí và Lịch sử ở tiểu học. Nội dung bao gồm 3 nhóm vấn đề chính: (1) Một số kiến thức chung về xã hội; (2) Địa lí; (3) Lịch sử.
20	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Học phần này giới thiệu mối liên quan giữa cấu trúc dữ liệu và giải thuật, giải thuật đệ quy và ứng dụng. Học phần này cũng trang bị các nguyên lý thiết kế các cấu trúc dữ liệu cơ bản cùng với các phép toán (thao tác) trên các cấu trúc dữ liệu đó: danh sách đặc (các thuật toán tìm kiếm, sắp xếp,…); danh sách liên kết đơn, kép, vòng (với các thao tác: khởi tạo, bổ sung, xóa, duyệt,…); danh sách hạn chế: ngăn xếp, hàng đợi (với các thao tác: khởi tạo, push, pop,...), cây nhị phân, cây tìm kiếm nhị phân (với các thao tác khởi tạo, duyệt, bổ sung, xóa nút…), cấu trúc bảng băm. Học phần tập trung vào việc khai thác các lớp cấu trúc dữ liệu trừu tượng của Python/C++/Java để xử lý, cài đặt các bài toán thực tế, đánh giá về hiệu năng của thuật toán trong các ứng dụng.
21	Lập trình Python	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình Python để bước đầu làm quen với lập trình trên máy tính, làm rõ các khái niệm, nguyên lý và kỹ thuật cơ bản trong lập trình, từ đó sinh viên có thể xây dựng các chương trình để giải quyết các bài toán trong thực tiễn.
22	Sinh lí học trẻ em	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về cấu tạo cơ thể con người ở mức đại thể theo phương pháp hệ thống và các quá trình sống trong cơ thể nhằm tìm hiểu và giải thích những cơ chế điều hòa và tự điều hòa các quá trình sống để duy trì sự cân bằng, thích

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		nghi, tồn tại và phát triển của hệ thống sống. Người học có thể vận dụng kiến thức môn học vào việc bảo vệ cơ thể.
23	*Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính*	Học phần gồm 10 bài học được thiết kế trên đĩa CDrom, lần lượt chuyển tải các nội dung giảng dạy về quyền và sức khỏe tình dục bao gồm các vấn đề về tâm sinh lý lứa tuổi, tình bạn, tình yêu, tình dục, sự mang thai, các nguy cơ lây nhiễm qua đường tình dục, biết bảo vệ bản thân tránh được sự xâm hại, quấy rối tình dục, hiểu rõ về giới và các quyền có liên quan đến giới, đặc biệt thể hiện qua các hành vi tình dục và cuối cùng nhằm hướng dẫn sinh viên biết tự đưa ra những quyết định của bản thân khi đối diện trước những tình huống thường gặp trong tuổi sinh viên.
24	*Cơ sở văn hóa Việt Nam*	*Cơ sở văn hóa Việt Nam* là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam.
25	*Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học*	Học phần *Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học* trong chương trình đào tạo sinh viên sư phạm tiểu học. Đây là học phần giúp sinh viên tiểu học có những hiểu biết cơ bản về cách thức giáo dục cho học sinh khuyết tật trong trường tiểu học. Học phần sẽ trình bày những nội dung sau: - Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: khái niệm, nguyên nhân khuyết tật, phân loại, các mô hình giáo dục dành cho học sinh khuyết tật. - Tổ chức giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở trường tiểu học: giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thính, khiếm thị, chậm phát triển trí tuệ, ngôn ngữ, vận động, tự kỷ. - Hỗ trợ giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học: xây dựng vòng tay bạn bè, xây dựng nhóm hỗ trợ cộng đồng

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
26	*Nhập môn công nghệ phần mềm*	Học phần giúp trang bị kiến thức chung để xây dựng một phần mềm đơn giản từ việc thu thập yêu cầu đến việc lập kế hoạch, phân tích và thiết kế, xây dựng và thử nghiệm phần mềm. Học phần giúp sinh viên không chỉ thực hành tạo ra chương trình phần mềm có chất lượng phục vụ dạy học tin học tiểu học, mà còn biết khai thác các công cụ hỗ trợ quản lý trong một dự án phần mềm.
27	Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	Học phần *Nhập môn Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Học phần giới thiệu những nét khái quát về nghề dạy học, những phẩm chất, đạo đức và năng lực cần có của một người giáo viên Tin học và Công nghệ ở trường tiểu học, đồng thời có những trải nghiệm ban đầu về nghề nghiệp tương lai từ đó định hướng, hình thành cho sinh viên động cơ, hứng thú, thái độ học tập đúng đắn. Nội dung bao gồm 4 vấn đề chính: (1) Một số lý luận về nghề dạy học và ngành Tin học và Công nghệ; (2) Đạo đức người giáo viên tiểu học; (3) Công tác của người giáo viên ở trường tiểu học; (4) Các kỹ năng nền tảng sử dụng trong học tập ở đại học.
28	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phương pháp nghiên cứu khoa học SP Tin học và CN trong các trường tiểu học để thấy rõ: các giai đoạn thực hiện một đề tài nghiên cứu; cách viết đề cương nghiên cứu; cách thiết kế nghiên cứu; cách thu thập thông tin, phân tích xử lý dữ liệu bằng công cụ thống kê toán học; cách giải quyết những vấn đề, tồn tại, cách thức tác động sư phạm trong hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học. Nghiên cứu khoa học sư phạm là một phần trong phát triển chuyên môn, nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.
29	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu để quản trị cơ sở dữ

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		liệu. Học phần gồm 4 chương. Chương 1 giới thiệu về nguyên lý hoạt động, vai trò, chức năng và các thành phần của một hệ quản trị cơ sở dữ liệu; các kiến thức cơ bản về các hệ thống cơ sở dữ liệu hiện đại. Chương 2, 3 trình bày về các mô hình dữ liệu và ngôn ngữ SQL. Chương cuối là các nội dung liên quan chuẩn hóa lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ.
30	Lập trình Scratch	Scracth là môi trường giáo dục thú vị dựa trên trò chơi, nơi mà học sinh học lập trình bằng ngôn ngữ lập trình thực tế, không yêu cầu có kiến thức/ kinh nghiệm lập trình trước đó. Scratch là giải pháp trực tuyến mới, mang đến cho nhà trường những cơ hội thuận lợi để học sinh tiếp xúc với chương trình lập trình máy tính hiện đại nhất, như hàng nghìn học sinh khác trên thế giới. Học phần này giúp SV lập trình "kéo thả" với phần mềm Scracth, SV có thể sử dụng phần mềm này vào xử lí đồ họa, animation, bài học, bài giảng, mô phỏng kiến thức, trình diễn, sách điện tử, trò chơi, ... đồng thời học phần còn giúp cho SV thiết kế được các chương trình đơn giản theo yêu cầu của người khác; lập trình được các trò chơi; thát triển tư duy máy tính, khoa học máy tính, rất phù hợp với nhà trường trong chương trình giáo dục phổ thông mới.
31	Mạng máy tính và internet	Cung cấp các kiến thức căn bản, cần thiết về mạng máy tính: phân loại mạng máy tính, các thành phần cơ bản của mạng máy tính, các thiết bị kết nối mạng. Phân tích các kỹ thuật và công nghệ trong mô hình kết nối hệ thống mở OSI, trong mạng LAN, mô hình TCP/IP và một số dịch vụ trên mạng Internet. Tìm hiểu những vấn đề cơ bản trong mạng máy tính. Trang bị khả năng cài đặt, kết nối và quản trị mạng LAN.
32	Lập trình game học tập	Học phần này cung cấp cho SV những khái niệm về trò chơi. Lập trình điều khiển Game học tập bằng phần mềm Scracth; Lịch sử phát triển ngành công nghệ game, các dạng game chính trên thế giới; Cách thức xây dựng một

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		đề án game. Xây dựng quy trình thiết kế Game học tập. Xây dựng các trò chơi và thiết kế game hỗ trợ trong dạy học tiểu học. Học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất cho việc xây dựng một ứng dụng game. Qua đó giúp cho sinh viên có thể tự định hướng và xây dựng các ứng dụng game của riêng mình.
33	Công nghệ đa phương tiện	Đa phương tiện hay Multimedia là tổ hợp của các phương tiện truyền thông riêng lẻ (âm thanh, hình ảnh, đồ họa, video, văn bản,....) nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động truyền thông. Sự thành công của những "siêu phẩm" như bộ phim Avatar, điện thoại iPhone của Apple, mạng xã hội Facebook, website chia sẻ video YouTube, những đoạn quảng cáo của Heneiken,.... là những minh chứng rất thuyết phục về giá trị của những sản phẩm đa phương tiện, nơi hội tụ tinh hoa của nhiều ngành dọc trong cả hai lĩnh vực kỹ thuật và nghệ thuật. Học phần này nhằm giúp SV biết về ngành đa phương tiện đồng thời xử lí đa phương tiện như âm thanh, hình ảnh, Video bằng một số phần mềm mã nguồn mở thông dụng.
34	Lập trình web	Học phần trình bày phương pháp thiết kế và lập trình tạo Website động với ngôn ngữ kịch bản PHP và hệ quản trị CSDL MySQL. Thông qua môn học, sinh viên nắm bắt được kiến thức nền tảng để phân tích, thiết kế và xây dựng Website. Dựa vào lý thuyết và các bài thực hành được hướng dẫn cụ thể, sinh viên áp dụng các kỹ thuật để xây dựng Website ứng dụng đáp ứng các bài toán thực tế.
35	Thiết kế bài giảng Elearning và website dạy học trực tuyến	Học phần này cung cấp các khái niệm cơ bản e-Learning, các quy trình thiết kế bài giảng e-Learning và một số phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng điện tử e-Learning. Học phần còn trang bị cho SV những kiến thức về bài giảng điện tử và kết hợp các phương pháp dạy học nhằm vận dụng các phần mềm vào thiết kế bài giảng giúp SV trong quá trình giảng dạy sau khi ra trường.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
36	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	*Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học* là một học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động trải nghiệm nói chung và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học nói riêng; phương pháp, hình thức tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh tiểu học. Đây là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học.
37	Công nghệ và đời sống	Học phần này giúp SV có được những tri thức môi trường tự nhiên và môi trường sống, về công nghệ; những kiến thức, cách sử dụng những thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình; an toàn khi sử dụng các thiết bị và sản phẩm công nghệ trong gia đình.
38	Kỹ thuật trồng trọt	Học phần giới thiệu cho sinh viên về lịch sử, phân loại, vai trò, giá trị kinh tế của cây trồng và những kiến thức chung về nguyên lý cơ bản của kỹ thuật trồng trọt, như: nước với cây trồng; đất và phân bón; quản lý dịch hại cây trồng; Nhân giống cây trồng; các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng; thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch; kĩ thuật nông nghiệp công nghệ cao. Từ đó, sinh viên sẽ được học những kiến thức sâu hơn về các nhóm hoa, cây cảnh trong đời sống, như: nhóm cây hoa họ hồng; nhóm cây hoa họ cúc; nhóm cây hoa lay ơn; nhóm cây hoa lan; nhóm cây ho mai và nhóm cây quất cảnh. Học phần này, sinh viên được thực hiện dự án về trồng và chăm sóc hoa – cây cảnh.
39	Thiết kế công nghệ	Học phần *Thiết kế công nghệ* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về thủ công, kỹ thuật cụ thể là kỹ thuật gia công giấy bìa, kỹ thuật làm đồ chơi và kỹ thuật lắp ghép mô hình.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		Nội dung môn học gồm 2 chương: Chương 1: Thủ công sản phẩm thủ công Chương 2: Thiết kế mô hình kỹ thuật
40	Giáo dục STEM trong trường tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Tin học và Công nghệ Tiểu học những kiến thức cơ bản về Giáo dục STEM: các khái niệm, hình thức tổ chức Giáo dục STEM, điều kiện triển khai, bài học STEM, thiết kế bài học STEM, tổ chức thực hiện bài học STEM và các tiêu chí đánh giá bài học STEM ở trường tiểu học.
41	Phương pháp dạy học công nghệ ở tiểu học	Học phần *Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học* là một trong những học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Qua học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức về nội dung môn Công nghệ ở tiểu học, phương pháp dạy học, phương tiện, hình thức và kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Công nghệ ở tiểu học. Nội dung học phần gồm các chương sau: Chương 1. Giới thiệu chung về môn PPDH Công nghệ ở tiểu học Chương 2: Khái quát môn Công nghệ ở tiểu học Chương 3: Các phương pháp dạy học môn Công nghệ ở tiểu học Chương 4: Các phương tiện và hình thức tổ chức dạy học trong môn Công nghệ ở tiểu học Chương 5: Kiểm tra, đánh giá trong môn Công nghệ ở tiểu học Chương 6: Hướng dẫn dạy học môn Công nghệ ở tiểu học
42	Phương pháp dạy học tin học ở tiểu học	Học phần này giúp SV những tri thức mới nhằm mục đích dạy học sinh cách tư duy, dạy các kĩ năng phục vụ cuộc sống. Những phương pháp dạy học bộ môn tin học định hướng phát triển năng lực, phân tích chương tình tin

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		học ở tiểu học. Rèn luyện cho SV phương pháp dạy và tổ chức dạy học môn học ở bậc tiểu học.
43	Phương pháp dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	*Phương pháp dạy học tự nhiên – xã hội ở tiểu học* là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học. Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về lí luận dạy học các môn về tự nhiên và xã hội, rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng dạy học môn Tự nhiên - Xã hội, môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Cùng với học phần *Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Xã hội 1 ở tiểu học, Cơ sở Khoa học Tự nhiên và Xã hội 2 ở tiểu học* góp phần hình thành cho sinh viên năng lực dạy học các môn về tự nhiên – xã hội ở bậc tiểu học.
44	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở tiểu học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học hệ thống kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập, đánh giá PC, NL học sinh ở trường tiểu học. Hình thành cho SV những kĩ năng cơ bản trong việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, PC, NL học sinh tiểu học; bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên. Nội dung cụ thể đề cập đến: - Những vấn đề cơ bản về kiểm tra đánh giá kết quả học tập; ĐG PC, NL - Đánh giá học sinh tiểu học đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học: Mục đích đánh giá; nguyên tắc đánh giá; Quy trình đánh giá; Kỹ thuật đánh giá; Yêu cầu đối với việc đánh giá học sinh tiểu học... - Nội dung và cách thức đánh giá...
45	Phát triển chương trình giáo dục ở trường tiểu học	Học phần trang bị cho SV các kiến thức cơ bản về phân tích chương trình môn học, bao gồm đặc điểm, cấu trúc, dụng ý sư phạm của nội dung kiến thức cần dạy, kĩ năng phân tích chương trình môn học; chương trình, các loại chương trình, quy trình phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học. Từ đó thực hành phát triển chương

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		trình môn học bổ sung vào nội dung giáo dục địa phương, nhà trường trong giáo dục toàn diện đáp ứng CTGDPT cấp Tiểu học. Không những thế, học phần còn góp phần hình thành cho SV năng lực phân tích và phát triển chương trình môn học ở trường tiểu học nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp đáp ứng chuẩn nghề nghiệp.
46	*Kỹ thuật tạo hình ở tiểu học*	Học phần *Kỹ thuật tạo hình ở tiểu học* là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Học phần cung cấp những kiến thức về thủ công nhằm giúp cho sinh viên thực hiện kỹ thuật gia công giấy bìa, kỹ thuật làm đồ chơi. Nội dung môn học gồm 3 chương: Chương 1: Kỹ thuật gia công giấy bìa Chương 2: Kỹ thuật tạo hình bằng xốp bitis Chương 3: Kỹ thuật tạo hình bằng vật liệu khác
47	*Ứng dụng công nghệ trong trồng hoa và cây cảnh*	Học phần này giới thiệu cho sinh viên về: vai trò, phân loại và khái quát các vùng trồng hoa-cây cảnh; các ứng dụng của công nghệ sinh học như công tác chọn giống, công nghệ nuôi cấy mô, công nghệ quản lý dịch hại, công nghệ sản xuất các chế phẩm sinh học nhằm chăm sóc hoa-cây cảnh…; ứng dụng dụng công nghệ cao trong sử dụng quy trình thiết bị như công nghệ trồng hoa trong nhà kính, công nghệ tưới nhỏ giọt…; ứng dụng công nghệ thông tin như các thiết bị tự động hóa điều kiển tưới tiêu, phân bón, độ ẩm nhiệt độ, công nghệ thông tin trong E-nông nghiệp, E-learning cho nông dân trồng hoa-cây cảnh. Học phần Ứng dụng công nghệ trong trồng hoa và cây cảnh, sinh viên được thực hiện dự án về trồng và chăm sóc hoa – cây cảnh sử dụng công nghệ sinh học.
48	*Giáo dục kĩ năng sống trong dạy học ở tiểu học*	Học phần *Giáo dục kỹ năng sống ở tiểu học* là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Qua học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức về kỹ

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		năng sống, giáo dục kỹ năng sống và những nội dung cụ thể về giáo dục kỹ năng sống, hướng dẫn tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong các môn học như Công nghệ, các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học và các hoạt động giáo dục ở nhà trường để xây dựng hoặc thay đổi hành vi cho học sinh. Học phần *Giáo dục kỹ năng sống ở tiểu học* gồm 2 nhóm vấn đề chính: (1) Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, (2) Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học.
49	*Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học*	*Sinh hoạt chuyên môn ở trường tiểu học* là học phần tự chọn bắt buộc, thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, nhằm trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ; nội dung, các hình thức, phương pháp sinh hoạt chuyên môn (SHCM) của tổ chuyên môn ở trường tiểu học. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, quy trình SHCM dựa trên nghiên cứu bài học hướng đến phát triển năng lực đội ngũ giáo viên, từ đó ứng dụng vào việc lập kế hoạch và tổ chức buổi SHCM hiệu quả.
50	*Tổ chức thu thập, lưu trữ và trao đổi thông tin*	Tổ chức thu thập, lưu trữ và trao đổi thông tin là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản, nền tảng cho người học về kỹ năng thu thập, khai thác, lưu trữ, sử dụng và chia sẻ thông tin hiệu quả. Học phần gồm 5 chương. Chương 1 trình bày tổng quan về internet và các dịch vụ, ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục trên môi trường internet. Chương 2 đề cập đến các vấn đề liên quan đến tài nguyên giáo dục mở - một nguồn tài nguyên ngày càng đa dạng và phong phú. Các chương còn lại của học phần giúp người học thực hiện được các kỹ năng tìm kiếm, trích chọn cũng như lưu trữ, chia sẻ thông tin qua bộ công cụ gồm tập hợp các ứng dụng hỗ trợ các công việc trên.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
51	*Lập trình robot*	Học phần này cung cấp cho SV những khái niệm lập trình phần mềm: lập trình tuần tự, lặp, lặp có điều kiện, gỡ lỗi chương trình phầm mềm. Lập trình điều khiển Robot bằng phần mềm Anduino. Ứng dụng các phần mềm để xây dựng và thiết kế Robot hỗ trợ trong dạy học tiểu học
52	*Mã nguồn mở trong giáo dục*	Học phần trang bị cho người học kiến thức về mã nguồn mở, cách thức cài đặt sử dụng các dịch vụ của hệ điều hành mã nguồn mở. Sinh viên nắm được các kiến thức về ngôn ngữ lập trình PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu mySQL và các kỹ thuật để kết nối cơ sở dữ liệu và lập trình hướng đối tượng, cách xây dựng trang web động sử dụng PHP.
53	*Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học*	Học phần **"**Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất năng lực học sinh tiểu học" hướng dẫn người học xây dựng các loại kế hoạch dạy học và giáo dục cụ thể là: Giới thiệu về kế hoạch giáo dục của nhà trường mà trọng tâm là khung kế hoạch thời gian thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường trong năm học làm căn cứ để các tổ chuyên môn, các giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ, của cá nhân; hướng dẫn tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ (bao gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục); hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân; hướng dẫn xây dựng, phát triển kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.
54	*Dạy học tích hợp ở tiểu học*	*Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học* là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kĩ năng và phương pháp dạy học theo quan điểm tích hợp, đặc biệt là phương pháp và kĩ năng dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
55	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học	Học phần *Rèn luyện kĩ năng sư phạm 1 ở tiểu học* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên một số thông tin cơ bản về nghiệp vụ sư phạm và góp phần rèn luyện cho sinh viên một số kĩ năng cơ bản như: kỹ năng tìm hiểu các vấn đề về trường tiểu học, kĩ năng giao tiếp sư phạm, kĩ năng tiếng Việt, kĩ năng sử dụng và thiết kế đồ dùng dạy học, kỹ năng thiết kế bài dạy các môn học ở tiểu học, kỹ năng tổ chức dạy học các môn học ở tiểu học, kỹ năng kiểm tra đánh giá các môn học ở tiểu học, kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp cơ bản gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học.
56	Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học	Học phần *Rèn luyện kĩ năng sư phạm 2 ở tiểu học* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học. Đây là học phần cung cấp cho sinh viên một số thông tin nâng cao về nghiệp vụ sư phạm và góp phần rèn luyện cho sinh viên một số kĩ năng thành thạo về công nghệ thông tin góp phần khắc sâu các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, hình thành năng lực nghề nghiệp ở mức thuần thục gắn liền với thực tiễn bậc tiểu học.
57	Kiến tập sư phạm	Học phần *Kiến tập sư phạm* là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức kiến tập và khóa luận Sư phạm dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Tin học và Công nghệ tiểu học. Nội dung bao gồm: sinh viên có 3 tuần ở trường tiểu học dưới sự hướng dẫn của giáo viên tiểu học. Bên cạnh đó, sinh viên còn tham gia các hoạt động của trường tiểu học: tìm hiểu về trường, tìm hiểu về hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh, dự giờ chuyên môn và chủ nhiệm lớp.
58	Thực tập sư phạm	Học phần Thực tập sư phạm có nội dung học tập

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		gắn liền lí luận với thực tiễn, tạo điều kiện cho giáo sinh có cơ hội thực tập giảng dạy trong vai trò người giáo viên thực sự. Giáo sinh được thực hành tất cả các nhiệm vụ cần thiết của GV, từ chuẩn bị giáo án, cơ sở vật chất phục vụ bài học đến tổ chức hoạt động học tập cũng như đánh giá kết quả học tập của học sinh. Tất cả các khâu của quá trình dạy học được mỗi giáo sinh thực hiện nhằm giúp phát triển các năng lực cần thiết của người GV; từ đó tạo dựng tình cảm nghề nghiệp ở người giáo sinh, củng cố và phát triển niềm tin vào công việc dạy học nên giáo sinh cần tham dự và thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần Thực tập sư phạm. Đặc thù của học phần Thực tập sư phạm là hình thành cho giáo sinh hệ thống kĩ năng của nghề dạy học nói chung và dạy học Tin học và Công nghệ nói riêng thông qua hoạt động thực tiễn tại trường tiểu học. Do đó, trong quá trình tạo lập kĩ năng, giáo sinh phải có khả năng làm việc độc lập, phân tích và tư duy phản biện để vận dụng vào quá trình thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học; trên cơ sở đó mà phân chia thời gian luyện tập một cách thích hợp.
59	*Khóa luận tốt nghiệp*	Khóa luận tốt nghiệp là học phần sinh viên thực hiện nghiên cứu đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Mục đích giúp sinh viên có điều kiện nghiên cứu chuyên sâu những vấn đề lí luận của chuyên ngành, vận dụng lí thuyết để giải quyết vấn đề thực tiễn, đồng thời phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học. Nội dung của học phần hướng sinh viên vào việc lựa chọn đề tài thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.
60	*Thiết kế chủ đề dạy học STEM ở tiểu học*	Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Tin học và Công nghệ Tiểu học những kiến thức cơ bản về thiết kế chủ đề dạy học STEM: các khái niệm, hình thức tổ chức dạy học theo chủ đề STEM, điều kiện triển khai,

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		tổ chức thực hiện chủ đề dạy học STEM và các tiêu chí đánh giá chủ đề dạy học STEM ở trường tiểu học.
61	*Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Công nghệ ở tiểu học*	Học phần *Thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học các môn học ở tiểu học* giúp cho người học khắc sâu những kiến thức cơ bản về hoạt động trải nghiệm môn học, bước đầu hình thành những kĩ năng nghiên cứu cơ bản cho người giáo viên ở trường tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh hằng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cập nhật chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trưởng Khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng và theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 16/4/2015.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật.

II. Đánh giá chương trình đào tạo

Ít nhất 4 năm một lần, Trưởng đơn vị chuyên môn quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm và theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14/03/2016.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cải tiến, sửa đổi trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá./.

TRƯỞNG KHOA

TS. Hoàng Nam Hải

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lưu Trang